

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/07/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		KNT+TD5+CTK3	7:25	5+6+7	0+0+0	0+9+13	0+0+0		
2		P3+P9+P10	7:25	4+6+10	0+0+0	0+4+18	0+0+0		
3		RP3+SAVR+RP1	9:25	7+9+3	0+0+0	1+3+17	0+0+0		
4		SAVR+RC10+BK4	9:25	15+2+2	0+0+0	16+0+4	0+0+0		
5		P2+P6+P3	11:25	8+13+0	0+0+0	1+17+4	0+0+0		
6		PPD+P10+P8	11:25	12+1+9	0+0+0	10+1+11	0+0+0		

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày P3-4ng, 1ng TD5 về đi P10



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/07/2025		TO: KNT - TD5 - CTK3			AIRCRAFT: 410			ETD: 07:30		
FLIGHT: 1		FROM: VT			CREW: VTHANG - M.ĐỨC - THANH			ETA: 09:20		
Vnhs Flying Number: TM25/2660								XANH-1		
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	MANH TRUONG KHOA	KNT	99	1	7	7	72	75	YTE	Vietnamese
2	LE KIM SANG	KNT	95	1	8			62	GETRACO	Vietnamese
3	NGUYEN HONG BAO	KNT	97	1	7			57	GETRACO	Vietnamese
4	TRAN NGUYEN MINH NHAT	KNT	96	1	6			67	GETRACO	Vietnamese
5	TRAN ANH LAM	KNT	98	1	10			64	GETRACO	Vietnamese
6	NGUYEN HAI LAM	TD5	24-25	2	14	1	11	66	KHOAN	Vietnamese
7	PHAM VAN TRI	TD5	23	1	9			70	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN XUAN TRUONG	TD5	32	1	10			76	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYEN HUU HO	TD5	30	1	8	1	14	65	CODIEN	Vietnamese
10	TRAN VAN TRANG	TD5	28-29	2	19			63	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYEN THE DU	TD5	26-27	2	8			71	CODIEN	Vietnamese
12	IASHNEV V. IU	CTK3	46	1	7	2	11	91	KH-THAC	Russian
13	VO HUU DU	CTK3	44-45	2	19			65	BIEN DONC	Vietnamese
14	BUI VAN HA	CTK3	47-48	2	10			65	BIEN DONC	Vietnamese
15	DO XUAN CONG	CTK3	68-69	2	20			49	D-HANH	Vietnamese
16	LE VAN DUC	CTK3	70-71	2	18			64	D-HANH	Vietnamese
17	DINH HONG THANG	CTK3						65	SANBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	KNT	5	325	5	38	7	72	0		
2	TD5	6	411	9	68	2	25	9		
3	CTK3	6	399	9	74	2	11	13	H. DIEU PHAI VE NGOI GHE PHU	
TOTAL		17	1.135	23	180	11	108	22		
WEIGHT KG			1.135		180		108			

GRAND TOAL: 1.423 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CREW

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/07/2025	TO: P3 - P9 - P10	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: XHOÀN - HTRUNG - THỤ	ETA: 09:25
CAM-1			

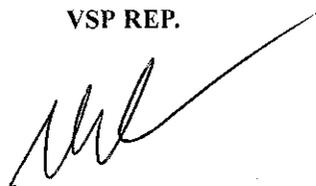
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	MIKHAYLOV E.V	P3	27	1	3			87	XNKT	Russian
2	LE ĐANG MINH ĐỨC	P3						91	XNKT	Vietnamese
3	NGUYỄN DƯƠNG PHÚC	P3						71	D-HANH	Vietnamese
4	LE THANH TUAN	P3						79	ANTOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN MINH	P9	81	1	12			86	T-TIN	Vietnamese
6	TRẦN BẢO CHUÔNG	P9	90-91	2	20			65	T-TIN	Vietnamese
7	PHẠM CÔNG TUAN	P9	26-27	2	7	1	25	56	PSV	Vietnamese
8	DUỠNG VIỆT DŨNG	P9	79	1	7	1	18	49	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN QUANG	P9	80	1	5			69	PSV	Vietnamese
10	ĐỖ LÊ NGỌC HOANG	P9	89	1	5			56	PSV	Vietnamese
11	LÔ TRƯỜNG GIANG	P9	88	1	4			85	PSV	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN ĐỊNH	P10	56-57	2	17			70	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	P10	64-65	2	17			82	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN PHI BĂNG	P10	60-61	2	19			60	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN QUANG	P10	66	1	10	1	13	60	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI QUANG CÔNG	P10	62-63	2	15			78	XAYLAP	Vietnamese
17	VŨ BẢO THANH	P10	58-59	2	16			85	NIPI	Vietnamese
18	PHẠM VĂN TÀI	P10	68	1	4	3	30	74	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN NGHĨ	P10	70	1	6			68	PSV	Vietnamese
20	NGHIÊM ANH VŨ	P10	55	1	5			67	PSV	Vietnamese
21	PHAN MINH TUNG	P10	69	1	5			63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P3	4	328	1	3	0	0	0		
2	P9	7	466	9	60	2	43	4		
3	P10	10	707	15	114	4	43	18		
TOTAL		21	1.501	25	177	6	86	22		
WEIGHT KG			1.501		177		86			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

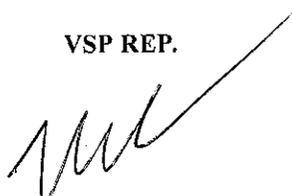
DATE: 17/07/2025		TO: RP3 - SAVR - RP1			AIRCRAFT: 410			ETD: 09:50		
FLIGHT: 3		FROM: VT			CREW: VTHANG - M.DUC - THANH			ETA: 11:40		
Vnhs Flying Number: TM25/2661								VANG-2		
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAN ĐO CHAU TUAN	RP3	94	1	17			107	KH-THAC	Vietnamese
2	HUYNH XUAN TRUONG	RP3	87	1	9	1	9	78	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN TRUONG GIANG	RP3	36	1	16			80	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN VIET HUNG	RP3	92-93	2	11			66	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN PHUC HIEN	RP3	90-91	2	21			87	XAYLAP	Vietnamese
6	VU VAN TOAN	RP3	95-96	2	17			68	XAYLAP	Vietnamese
7	LE TRONG LY	RP3	88-89	2	16			60	XAYLAP	Vietnamese
8	TRINH VAN KIEN	SAVR	10	1	8			64	DMC/INVE	Vietnamese
9	NGUYEN DUC NGHIA	SAVR	14-15	2	22			72	DMC/INVE	Vietnamese
10	EREMEEV EVGENIY NIKOLAEVICH	SAVR	01	1	9	2	30	100	KHOAN/TB	Russian
11	PHAM HUU HUAN	SAVR	07	1	11	1	3	63	KHOAN/TB	Vietnamese
12	PAKHOMOV RAVIL	SAVR	05-06	2	9			110	AMNGR	Russian
13	FIROV DENIS	SAVR	03-04	2	21			120	AMNGR	Russian
14	KOLODNIKOV ANTON	SAVR	02	1	9			120	AMNGR	Russian
15	NGUYEN CAO TRUNG	SAVR	08-09	2	15			67	PVD LOGG	Vietnamese
16	KLISHIN SERGEI	SAVR	11-12	2	17			88	AMNGR	Russian
17	NGUYEN QUANG TU	RP1	92	1	8			68	DUY LINH	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC HOI	RP1	91	1	15			57	DUY LINH	Vietnamese
19	VAN NGOC TAM	RP1	89-90	2	17			65	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	7	546	11	107	1	9	1		
2	SAVR	9	804	14	121	3	33	3		
3	RP1	3	190	4	40	0	0	17		
TOTAL		19	1.540	29	268	4	42	21		
WEIGHT KG			1.540		268		42			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CREW



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/07/2025	TO: SAVR - RC10 - BK4	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: XHOÀN - HTRUNG - THỤ	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VSHIVKOV ALEKSEI	SAVR	11	1	8			84	AMNGR	Russian
2	KRUPIN VLADISLAV	SAVR	17-18	2	8			87	AMNGR	Russian
3	PRADEDOVICH MIKHAIL	SAVR	19-20	2	8			96	AMNGR	Russian
4	SHEIANKIN DMITRII	SAVR	21	1	7			84	AMNGR	Russian
5	GARIANIN SERGEI	SAVR	14	1	16			91	AMNGR	Russian
6	SIEEDIN ROMAN	SAVR	03-04	2	13			82	AMNGR	Russian
7	GUSHCHIN SEMEN	SAVR	12	1	9			66	AMNGR	Russian
8	BALDIN ARTEM	SAVR	13	1	10			92	AMNGR	Russian
9	KHISMATULLIN ILSUR	SAVR	09-10	2	12			80	AMNGR	Russian
10	UMERBAEV RINAT	SAVR	15-16	2	9			78	AMNGR	Russian
11	KUZNETSOV PAVEL	SAVR	07-08	2	9	1	20	92	AMNGR	Russian
12	ZHALEIKO NIKITA	SAVR	05-06	2	13			92	AMNGR	Russian
13	PHẠM VĂN HOÀNG	SAVR	02	1	3			64	AMNGR	Vietnamese
14	NGUYEN VAN PHUC	SAVR	22	1	12	2	24	78	AMNGR	Vietnamese
15	NGUYEN HOANG NHAN	SAVR	23-24	2	12			67	AMNGR	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC TUNG	RC10	20-21	2	9			74	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYEN THANH TUNG	RC10	22	1	13	2	18	76	CODIEN	Vietnamese
18	ĐẠO NGUYEN DU MẠC	BK4	800,	1	14	1	15	65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN QUANG LUAN	BK4	97-98	2	22	2	14	57	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	15	1.233	23	149	3	44	16		
2	RC10	2	150	3	22	2	18	0		
3	BK4	2	122	3	36	3	29	4		
TOTAL		19	1.505	29	207	8	91	20		
WEIGHT KG			1.505		207		91			

GRAND TOTAL: 1.803 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/07/2025		TO: P2 - P6 - P3			AIRCRAFT: 410			ETD: 12:10		
FLIGHT: 5		FROM: VT			CREW: VTHANG - MTHAO - DTUNG			ETA: 14:00		
Vnhs Flying Number: TM25/2662								TIM-3		
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRAN VU CA	P2	14-15	2	9			69	BIEN DONC	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG VINH	P2	18	1	6			66	BIEN DONC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN MAI	P2	19	1	9			66	BIEN DONC	Vietnamese
4	NGUYEN DUC NINH	P2	16-17	2	18			71	BIEN DONC	Vietnamese
5	PHAM VAN KY	P2	24	1	7	1	17	78	BIEN DONC	Vietnamese
6	DO HONG HOAN	P2	20	1	8			67	BIEN DONC	Vietnamese
7	TONG NGUYEN NAM	P2	22-23	2	12			78	BIEN DONC	Vietnamese
8	PHAN VIET DUC	P2	21	1	10			78	BIEN DONC	Vietnamese
9	TRAN VAN HONG	P6	96	1	11	1	10	70	QUYET TH	Vietnamese
10	PHAN VAN LUAT	P6	95	1	8			60	QUYET TH	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HUY	P6	93-94	2	13			75	QUYET TH	Vietnamese
12	NGUYEN VAN NGHI	P6	99	1	12	2	20	60	QUYET TH	Vietnamese
13	PHAM NGOC PHONG	P6	81	1	13			71	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN VAN DU	P6	97-98	2	15			57	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN QUANG HUY	P6	92	1	10	2	27	57	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN THANH SON	P6	88-89	2	18			64	XAYLAP	Vietnamese
17	DINH VAN QUANG	P6	86-87	2	14			54	XAYLAP	Vietnamese
18	HOANG VAN SANG	P6	84	1	7	1	16	62	XAYLAP	Vietnamese
19	HOANG VAN DUNG	P6	30	1	12			91	XAYLAP	Vietnamese
20	LE TRONG HUNG	P6	82	1	7	1	16	71	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN TAT TAM	P6	700	1	7			54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P2	8	573	11	79	1	17	1		
2	P6	13	846	17	147	7	89	17		
3	P3	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		21	1.419	28	226	8	106	22		
WEIGHT KG			1.419		226		106			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CREW



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/07/2025	TO: PPD - P10 - P8	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: VIỆT - N.ANH - TÚ	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAN HUY HOANG	PPD	91-92	2	15			80	KHI	Vietnamese
2	PHẠM VĂN ĐĂNG	PPD	84-85	2	9			66	KHI	Vietnamese
3	PHẠM CÔNG THO	PPD	81	1	9			60	KHI	Vietnamese
4	TRẦN VIỆT TUẤN	PPD	86	1	10			62	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU TUNG BACH	PPD	93-94	2	15			60	KHI	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HÙNG	PPD	87	1	13			72	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT HÙNG	PPD	82-83	2	13			65	KHI	Vietnamese
8	LÊ QUANG NINH	PPD						66	KHI	Vietnamese
9	HA XUÂN THANH	PPD	89	1	16			71	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN KHÁNH HÙNG	PPD	88	1	14			70	XAYLAP	Vietnamese
11	VÔ HOÀNG LAM	PPD	90	1	16			67	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ KHÁC BAO	PPD	80	1	5			64	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU NHAN	P10	74-75	2	13			77	NIPI	Vietnamese
14	VŨ TRẦN TRUNG	P8	25-26	2	20	1	15	73	CODIEN	Vietnamese
15	TRẦN XUÂN HOÀN	P8	23-24	2	11			56	CODIEN	Vietnamese
16	PHẠM THẾ VIỆT	P8	28	1	12			71	CODIEN	Vietnamese
17	PHẠM QUANG HUY	P8	31-32	2	13			102	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN DUY TIẾN	P8	33-34	2	15			71	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT LỘC	P8	35-36	2	18	1	18	58	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	P8	27	1	5			68	PSV	Vietnamese
21	LÊ CAO HAI	P8	29	1	7			65	PSV	Vietnamese
22	LÊ VĂN DƯƠNG	P8	30	1	8			56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	12	803	15	135	0	0	10		
2	P10	1	77	2	13	0	0	1		
3	P8	9	620	14	109	2	33	11		
TOTAL		22	1.500	31	257	2	33	22		
WEIGHT KG			1.500		257		33			

GRAND TOAL: 1.790 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Nguyen Viet Anh